ICON 2.5 CS

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/05/23	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S1404112053	Phiên bản này sẽ thay thế cho tất cả các phiên bản trước đó

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : ICON 2.5 CS

Mã thiết kế : A12689G

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

Địa chỉ : Số 16, đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Bình,
Thành phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Điện thoại : +84-251-8826026

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp : +(028)37756288

Telefax : +84-251-8826016

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng : Thuốc diệt côn trùng

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Phân loại theo GHS

Độc cấp tính (Hít phải) : Cấp 4

Nhạy cảm với hô hấp : Cấp 1

Nhạy cảm với da : Cấp 1

Tác nhân gây ung thư : Cấp 2

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh : Cấp 1

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh : Cấp 1

Các yếu tố nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Từ cảnh báo : Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm : H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
H332 Có hại nếu hít phải.
H334 Có thể gây ra các triệu chứng dị ứng hoặc hen suyễn hoặc khó thở nếu hít phải.
H351 Nghi ngờ gây ung thư.
H410 Rất độc đối với sinh vật thuỷ sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Các lưu ý phòng ngừa :

Biện pháp phòng ngừa:

P201 Tìm đọc các hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.
P202 Không được thao tác hoặc sử dụng cho tới khi tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn đã được đọc kỹ và hiểu rõ.
P261 Tránh hít phải hơi sương hoặc hơi.
P271 Chỉ sử dụng ở ngoài trời hoặc ở khu vực có sự thông thoáng tốt.
P272 Không nên mang quần áo lao động đã nhiễm hóa chất ra khỏi nơi làm việc.
P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.
P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.
P284 Mang thiết bị bảo vệ hô hấp.

Biện pháp ứng phó:

P302 + P352 NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa sạch bằng thật nhiều nước.
P304 + P340 + P312 NẾU HÍT PHẢI: Di chuyển nạn nhân tới chỗ không khí thoáng mát và thoải mái để thở. Gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC/ bác sỹ nếu cảm thấy không khỏe.
P308 + P313 NẾU đã bị hoặc có lo lắng đến phơi nhiễm: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.
P333 + P313 Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da hoặc nổi mẩn: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.
P342 + P311 Nếu gặp các triệu chứng về hô hấp: Gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC hoặc bác sỹ và xin tư vấn.
P362 + P364 Cởi bỏ quần áo bị nhiễm độc và giặt sạch trước khi sử dụng.
P391 Thu hồi chất tràn đổ.

Lưu trữ:

P405 Phải khóa cẩn thận khi lưu trữ.

Việc thải bỏ:

P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Có thể gây ngứa tạm thời, ngứa ran, bỏng hay tê trên vùng da bị phơi nhiễm, được gọi là sự dị cảm - paresthesia

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

Thành phần

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
lambda-cyhalothrin	91465-08-6	>= 1,5 -< 2,5
Hydrocarbons, C9, Aromatics	128601-23-0	>= 1,5 -< 2,5
benzene, 2,4-diisocyanato-1-methyl-	584-84-9	>= 0,25 -< 0,5
alcohols, C12-15,ethoxylated	68131-39-5	>= 0,1 -< 0,25
ammonium hydroxide	1336-21-6	>= 0,1 -< 0,25

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Lời khuyên chung : Có cầm theo chai/bao thuốc, nhãn hoặc phiếu thông tin an toàn khi gọi điện số khẩn cấp, trung tâm kiểm soát độc chất hoặc chuyên gia y tế, hay đang tiến hành cứu chữa

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Đưa nạn nhân ra chỗ không khí trong lành.
Nếu thấy thở ngắt quãng hoặc ngừng thở, hãy tiến hành hô hấp nhân tạo.
Giữ ấm và để bệnh nhân nghỉ ngơi.
Gọi bác sĩ hoặc trung tâm chống độc ngay lập tức.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Ngay lập tức cởi bỏ quần áo bị nhiễm.
Ngay lập tức rửa sạch bằng thật nhiều nước.
Liên hệ với bác sĩ nếu hiện tượng kích ứng da kéo dài.
Giặt sạch quần áo đã nhiễm hóa chất trước khi tái sử dụng.

Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Ngay lập tức rửa bằng thật nhiều nước, và cả các mí mắt, trong ít nhất 15 phút.
Gỡ bỏ kính áp tròng.
Phải nhanh chóng tìm sự chăm sóc y tế.

Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Nếu nuốt phải, ngay lập tức phải xin ý kiến của thầy thuốc và đưa thiết bị chứa đựng hoặc nhãn của nó cho thầy thuốc xem.
KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.

Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này : Hít phải có thể gây ra viêm hoặc phù phổi.
Triệu chứng dị ứng ngoài da (ngứa, râm ran, rát hoặc tê) chỉ là tạm thời, trong vòng 24 giờ.

Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : Không được gây nôn: có chứa các sản phẩm chưng cất dầu và/hoặc dung môi thơm.
Điều trị theo triệu trứng.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy thích hợp : Phương tiện chữa cháy - Các đám cháy nhỏ
Dùng bụi nước, bọt chịu cồn, hóa chất khô hoặc cacbon dioxit.
Phương tiện chữa cháy-Các đám cháy lớn
Bọt chịu cồn.
hoặc
Bụi nước

Các phương tiện chữa cháy không thích hợp : Không sử dụng dòng nước liên tục bởi vì có thể làm lan rộng đám cháy.

Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy : Vì sản phẩm có chứa các thành phần hữu cơ dễ cháy, nếu đốt sẽ phát sinh khói đen dày đặc có chứa các sản phẩm cháy nguy hại (xem phần 10).
Tiếp xúc với các sản phẩm phân hủy có thể là một nguy cơ

đối với sức khỏe.

Các phương pháp cứu hỏa cụ thể	:	Không để nước chữa cháy chảy xuống cống và ao hồ. Làm mát các bình chứa kín trong vụ cháy bằng bụi nước.
Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa	:	Mặc quần áo bảo hộ đầy đủ và mặt nạ dưỡng khí.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố	:	Tham khảo các biện pháp bảo hộ liệt kê trong phần 7 và 8.
Các cảnh báo về môi trường	:	Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc việc làm này an toàn. Không xả vào nguồn nước mặt hay hệ thống cống vệ sinh. Nếu sản phẩm làm ô nhiễm sông, hồ hoặc đường dẫn nước, hãy thông báo cho các cơ quan hữu quan.
Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố	:	Kiềm chế chất tràn đổ, sau đó thu gom bằng vật liệu thấm không cháy (e.g. cát, đất, đất diatomit, chất khoáng) và giữ trong thùng chứa để tiêu hủy theo quy định nhà nước/địa phương (xem phần 13). Lau rửa thật kỹ bề mặt bị nhiễm bẩn. Lau rửa bằng các chất tẩy rửa. Tránh dùng dung môi. Giữ lại và tiêu huỷ nước rửa bị nhiễm bẩn.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm	:	Không có các yêu cầu đặc biệt bắt buộc để đề phòng hoả hoạn. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng. Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.
Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản	:	Không bắt buộc có điều kiện lưu giữ đặc biệt. Đóng kín các bình chứa và để tại nơi khô ráo, mát mẻ và thông gió tốt. Để xa tầm tay trẻ em. Để xa thức ăn, đồ uống và thức ăn gia súc.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
lambda-cyhalothrin	91465-08-6	TWA	0,04 mg/m3 (Da)	Syngenta
Hydrocarbons, C9, Aromatics	128601-23-0	TWA	19 ppm 100 mg/m3	Nhà cung cấp
benzene, 2,4-diisocyanato-1-methyl-	584-84-9	TWA	0,04 mg/m3	VN OEL
		STEL	0,07 mg/m3	VN OEL
		TWA (Bụi hạt	0,001 ppm	ACGIH

		và hơi hít phải vào phổi)		
		STEL (Bụi hạt và hơi hít phải vào phổi)	0,005 ppm	ACGIH
ammonium hydroxide	1336-21-6	TWA	25 ppm (Amoniac)	ACGIH
		STEL	35 ppm (Amoniac)	ACGIH

Ngưỡng giới hạn các chỉ số sinh học

Thành phần	Số CAS	Các thông số kiểm soát	Mẫu sinh học	Thời gian lấy mẫu	Nồng độ cho phép	Cơ sở
benzene, 2,4-diisocyanato-1-methyl-	584-84-9	toluen diamin	Nước tiểu	Cuối ca	5 µg/g creatinin	ACGIH BEI

Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp : Cô lập và / hoặc cách ly là biện pháp bảo vệ kỹ thuật đáng tin cậy nhất nếu không thể loại bỏ sự phơi nhiễm.

Mức độ của các biện pháp bảo vệ phụ thuộc vào mức độ rủi ro thực tế khi sử dụng.

Giữ nồng độ không khí thấp hơn tiêu chuẩn phơi nhiễm nghề nghiệp.
Khi cần thiết, hãy tìm tư vấn thêm về vệ sinh lao động.

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp : Khi công nhân làm việc trong điều kiện nồng độ vượt quá giới hạn phơi nhiễm thì họ phải đeo mặt nạ phòng độc đủ tiêu chuẩn.
Thiết bị hô hấp thích hợp:
Mặt nạ có mạng che nửa mặt.
Loại bộ lọc cho mặt nạ phải phù hợp với nồng độ ô nhiễm tối đa (khí/hơi/aeroson/hạt) có thể xuất hiện khi thao tác với sản phẩm. Nếu vượt quá nồng độ này phải dùng bộ dụng cụ thở cá nhân..

Bảo vệ tay

Vật liệu : Cao su nitrile
Thời gian thấm : > 480 min
Độ dày của găng : 0,5 mm

Ghi chú : Đeo găng tay bảo hộ. Việc lựa chọn găng tay thích hợp không chỉ phụ thuộc vào vật liệu mà còn vào các đặc trưng chất lượng khác cũng như khác biệt giữa các nhà sản xuất. Xem các hướng dẫn về tính thấm và thời gian thấm do nhà cung cấp găng tay đưa ra. Cũng cần xem xét các điều kiện sử dụng sản phẩm như nguy cơ bị cắt, mài mòn, và thời gian tiếp xúc. Thời gian hỏng trên hết phụ thuộc vào chất liệu, độ dày và loại găng tay và do đó phải được đo trong từng trường hợp. Cần loại bỏ và thay thế găng tay nếu thấy bất kỳ dấu hiệu xuống cấp hoặc thủng nào.

Bảo vệ mắt	:	Không có yêu cầu đặc biệt nào về thiết bị bảo hộ.
Bảo vệ da và cơ thể	:	Chọn đồ bảo hộ theo loại, nồng độ và lượng các chất nguy hiểm theo từng nơi làm việc cụ thể. Cởi và rửa quần áo nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng. Mặc khi thích hợp: Quần áo không thấm.
Các biện pháp bảo vệ	:	Việc sử dụng biện pháp kỹ thuật nên luôn được ưu tiên hơn là sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân Khi lựa chọn thiết bị bảo hộ cá nhân, hãy tìm sự tư vấn chuyên môn phù hợp.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái	:	thể lỏng
Màu sắc	:	màu be nhạt tới màu nâu
Mùi đặc trưng	:	chưa có dữ liệu
Ngưỡng mùi	:	chưa có dữ liệu
Độ pH	:	4 - 8 Nồng độ: 1 %w/v
Điểm/khoảng nóng chảy	:	chưa có dữ liệu
Điểm sôi/khoảng sôi	:	chưa có dữ liệu
Điểm cháy	:	Phương pháp: Cốc kín Pensky-Martens không chớp cháy
Tỷ lệ hóa hơi	:	chưa có dữ liệu
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	:	chưa có dữ liệu
Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Giới hạn dưới của cháy nổ / Giới hạn dưới của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Áp suất hóa hơi	:	chưa có dữ liệu
Tỷ trọng hơi tương đối	:	chưa có dữ liệu
Mật độ	:	1,03 g/cm3 (25 °C)
Độ hòa tan		
Độ hòa tan trong nước	:	chưa có dữ liệu
Độ hòa tan trong các dung môi khác	:	chưa có dữ liệu

Hệ số phân tán: n-octanol/nước	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	:	600 °C
Nhiệt độ phân hủy	:	chưa có dữ liệu
Độ nhớt		
Độ nhớt, động lực	:	33 - 263 mPa.s (40 °C)
		41 - 303 mPa.s (20 °C)
Độ nhớt, động học	:	chưa có dữ liệu
Đặc tính cháy nổ	:	Không gây nổ
		Không gây nổ
Đặc tính ôxy hóa	:	Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là chất oxy hóa.
Sức căng bề mặt	:	49,8 mN/m, 20 °C
Kích thước hạt	:	chưa có dữ liệu

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	:	Không dễ dự đoán.
Tính ổn định	:	Ổn định trong các điều kiện thông thường.
Phản ứng nguy hiểm	:	Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.
Các điều kiện cần tránh	:	Không phân hủy nếu được sử dụng như chỉ dẫn.
Vật liệu không tương thích	:	Được biết là chưa xảy ra.
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	:	Không sản phẩm phân hủy nguy hại nào được biết đến.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Đường tiếp xúc	:	Nuốt phải Hít phải Tiếp xúc với da Tiếp xúc với mắt

Độc cấp tính

Sản phẩm:

Độc tính cấp theo đường miệng	:	LD50 (Chuột, Đực và cái): > 5.000 mg/kg Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự
Độc tính cấp do hít phải	:	LC50 (Chuột, Đực và cái): > 4,62 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 4 h Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương

Đánh giá: Chất/hỗn hợp không có độc tính đối với đường hô hấp như được xác định trong quy định về các mặt hàng nguy hiểm
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Độc tính cấp qua da : LD50 (Chuột, Đực và cái): > 4.000 mg/kg
Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính qua da
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Thành phần:

lambda-cyhalothrin:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột, con cái): 56 mg/kg

Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột, Đực và cái): 0,06 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 4 h
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương

Độc tính cấp qua da : LD50 (Chuột, con đực): 632 mg/kg

Hydrocarbons, C9, Aromatics:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột, con cái): 3.492 mg/kg

benzene, 2,4-diisocyanato-1-methyl-:

Độc tính cấp do hít phải : Đánh giá: Thành phần/hỗn hợp có độ độc hại cao sau khi hít phải trong thời gian ngắn.

alcohols, C12-15,ethoxylated:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột): 2.500 mg/kg

Ăn mòn/kích ứng da

Sản phẩm:

Loài : Thỏ
Kết quả : Không gây kích ứng da
Ghi chú : Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Thành phần:

lambda-cyhalothrin:

Loài : Thỏ
Kết quả : Không gây kích ứng da

Hydrocarbons, C9, Aromatics:

Kết quả : Phơi nhiễm lặp đi lặp lại có thể làm khô hoặc rạn da.

Loài : Thỏ
Kết quả : Kích ứng da nhẹ

benzene, 2,4-diisocyanato-1-methyl-:
Kết quả : Gây kích ứng da.

ammonium hydroxide:
Kết quả : Gây ăn mòn sau khi tiếp xúc từ 3 phút đến 1 giờ

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Sản phẩm:
Loài : Thỏ
Kết quả : Không gây kích ứng mắt
Ghi chú : Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Thành phần:

lambda-cyhalothrin:
Loài : Thỏ
Kết quả : Không gây kích ứng mắt

benzene, 2,4-diisocyanato-1-methyl-:
Kết quả : Kích ứng mắt

alcohols, C12-15,ethoxylated:
Loài : Thỏ
Kết quả : Rủi ro gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

Kích thích hô hấp hoặc da

Thành phần:

lambda-cyhalothrin:
Loại kiểm nghiệm : Thử nghiệm cực đại
Loài : Chuột lang
Kết quả : Không gây kích ứng da.

Loại kiểm nghiệm : Thử nghiệm hạch bạch huyết cục bộ (LLNA)
Loài : Chuột nhắt
Kết quả : Không gây kích ứng da.

benzene, 2,4-diisocyanato-1-methyl-:
Kết quả : Có thể gây kích ứng khi tiếp xúc với da.

Kết quả : Có thể gây mẫn cảm khi hít phải.

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Thành phần:

lambda-cyhalothrin:

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen) - Đánh giá : Thử nghiệm trên động vật không cho thấy ảnh hưởng gây đột biến nào.

Tác nhân gây ung thư

Thành phần:

lambda-cyhalothrin:

Tác nhân gây ung thư - Đánh giá : Các bằng chứng thu được không ủng hộ phép phân loại chất này là một chất gây ung thư

benzene, 2,4-diisocyanato-1-methyl-:

Tác nhân gây ung thư - Đánh giá : Ít bằng chứng về khả năng gây ung thư trong các nghiên cứu trên động vật

Độc tính sinh sản

Thành phần:

lambda-cyhalothrin:

Độc tính sinh sản - Đánh giá : Các bằng chứng thu được không ủng hộ phép phân loại chất này có độc tính sinh sản

STOT - Tiếp xúc một lần

Thành phần:

lambda-cyhalothrin:

Đánh giá : Chất hoặc hỗn hợp được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm đơn lẻ.

Hydrocarbons, C9, Aromatics:

Đánh giá : Chất hoặc hỗn hợp được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm đơn lẻ, hạng 3, gây đờ đẫn.
Chất hoặc hỗn hợp được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm đơn lẻ, hạng 3, kích ứng đường hô hấp.

benzene, 2,4-diisocyanato-1-methyl-:

Đánh giá : Chất hoặc hỗn hợp được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm đơn lẻ, hạng 3, kích ứng đường hô hấp.

ammonium hydroxide:

Đánh giá : Chất hoặc hỗn hợp được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm đơn lẻ, hạng 3, kích ứng đường hô hấp.

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Thành phần:

lambda-cyhalothrin:

Đánh giá : Chất hoặc chất độc không được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm nhiều lần.

Độc tính hô hấp

Thành phần:

Hydrocarbons, C9, Aromatics:

Có thể chết nếu nuốt hoặc hít phải.

Thông tin khác

Sản phẩm:

Ghi chú : Có thể gây ngứa tạm thời, ngứa ran, bỏng hay tê trên vùng da bị phơi nhiễm, được gọi là sự dị cảm - paresthesia

Thành phần:

lambda-cyhalothrin:

Ghi chú : Có thể gây ngứa tạm thời, ngứa ran, bỏng hay tê trên vùng da bị phơi nhiễm, được gọi là sự dị cảm - paresthesia

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc môi trường

Thành phần:

lambda-cyhalothrin:

Độc đối với cá : LC50 (Leuciscus idus (orfe vàng)): 0,000078 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h

LC50 (Ictalurus punctatus (cá trê sông)): 0,00016 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): 0,00036 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 48 h

LC50 (Americamysis (Tôm nước lợ Americamysis)): 0,000007 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 48 h

EC50 (Hyalella azteca (Giáp Xác Chân Hai Loại)): 0,000002 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 48 h

Độc tính đối với tảo/thực vật : ErC50 (Raphidocelis subcapitata (tảo xanh nước ngọt)): >

dưới nước		0,31 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Nhân tố M (Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh)	:	100.000
Độc đối với cá (Tính độc mãn tính)	:	NOEC (Pimephales promelas (cá tuế đầu to)): 0,000031 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 300 d
Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác (Tính độc mãn tính)	:	NOEC (Daphnia magna (Bọ nước)): 0,000002 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 21 d
		NOEC (Americamysis (Tôm nước lợ Americamysis)): 0,00022 µg/l Thời gian phơi nhiễm: 28 d
Nhân tố M (Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh)	:	100.000
Độc tính đối với các vi sinh vật	:	EC50 (Than hoạt tính): > 100 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 3 h

Hydrocarbons, C9, Aromatics:

Độc đối với cá	:	LL50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): 9,2 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác	:	EL50 (Daphnia magna (Bọ nước)): 3,2 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 48 h
Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước	:	ErC50 (Raphidocelis subcapitata (tảo xanh nước ngọt)): 2,9 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 72 h
		NOELR (Raphidocelis subcapitata (tảo xanh nước ngọt)): 1,0 mg/l Điểm kết thúc: Tỷ lệ tăng trưởng Thời gian phơi nhiễm: 72 h
Độc đối với cá (Tính độc mãn tính)	:	NOELR (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): 1,228 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 28 d
Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác (Tính độc mãn tính)	:	NOELR (Daphnia magna (Bọ nước)): 2,144 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 21 d

Đánh giá độc tố sinh thái học

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh	:	Độc đối với sinh vật thuỷ sinh với ảnh hưởng kéo dài.

benzene, 2,4-diisocyanato-1-methyl-:

Đánh giá độc tố sinh thái học

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh	:	Có hại đối với sinh vật thuỷ sinh với ảnh hưởng kéo dài.

alcohols, C12-15,ethoxylated:

Độc đối với cá	:	LC50 (Lepomis macrochirus (Cá thái dương bluegill)): 1 - 10 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác	:	EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): 1 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 48 h

ammonium hydroxide:

Đánh giá độc tố sinh thái học

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh	:	Rất độc đối với sinh vật thuỷ sinh.
Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh	:	Độc đối với sinh vật thuỷ sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Thành phần:

lambda-cyhalothrin:

Tính phân hủy sinh học	:	Kết quả: Không dễ phân huỷ sinh học.
Ổn định trong nước	:	Chu kỳ bán rã của việc phân huỷ (DT50 (Chu kỳ bán rã)): 7 d Ghi chú: Sản phẩm này không bền.

Hydrocarbons, C9, Aromatics:

Tính phân hủy sinh học	:	Kết quả: Dễ phân huỷ sinh học.

alcohols, C12-15,ethoxylated:

Tính phân hủy sinh học	:	Kết quả: Dễ phân huỷ sinh học. Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Khả năng tích lũy sinh học

Thành phần:

lambda-cyhalothrin:

Tính tích lũy sinh học	:	Ghi chú: tích lũy sinh học

Độ linh động trong đất

Thành phần:

lambda-cyhalothrin:

Phân bố trong các môi trường khác nhau	:	Ghi chú: bất động
Ổn định trong đất	:	Thời gian tan rã: 56 d Tỷ lệ phần trăm tan rã: 50 % (DT50 (Chu kỳ bán rã)) Ghi chú: Sản phẩm này không bền.

Các tác hại khác

Thành phần:

lambda-cyhalothrin:

Kết quả đánh giá PBT và vPvB	:	Chất này không được coi là khó phân hủy, có khả năng tích tụ sinh học và độc hại (PBT) Chất này không được xem là rất khó phân hủy hoặc có khả năng tích tụ sinh học cao (vPvB).

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn	:	Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng Không thải loại chất thải vào các hệ thống thoát nước thải Trong trường hợp có thể, việc tái chế được ưu tiên hơn so với việc loại bỏ hoặc thiêu đốt. Nếu việc tái chế là không khả thi, hãy thải loại phù hợp với các quy định địa phương.
Bao bì nhiễm độc	:	Loại bỏ các thành phần còn lại. Rửa thùng chứa ba lần. Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

UNRTDG

Số hiệu UN	:	UN 3082
Tên vận chuyển thích hợp	:	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (LAMBDA-CYHALOTHRIN, SOLVENT NAPHTHA)
Hạng	:	9
Nhóm hàng	:	III
Nhãn	:	9

IATA-DGR

Số UN/ID	:	UN 3082
Tên vận chuyển thích hợp	:	Environmentally hazardous substance, liquid, n.o.s. (LAMBDA-CYHALOTHRIN, SOLVENT NAPHTHA)
Hạng	:	9
Nhóm hàng	:	III
Nhãn	:	Miscellaneous
Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa máy bay)	:	964
Hướng dẫn đóng gói (hành khách máy bay)	:	964
Nguy hại với môi trường	:	có

Mã IMDG

Số hiệu UN	:	UN 3082

Tên vận chuyển thích hợp	:	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (LAMBDA-CYHALOTHRIN, SOLVENT NAPHTHA)
Hạng	:	9
Nhóm hàng	:	III
Nhãn	:	9
Mã EmS	:	F-A, S-F
Chất ô nhiễm đại dương	:	có

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC

Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Phân loại vận chuyển được nêu ở đây chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và chỉ phụ thuộc vào thành phần của nguyên liệu chưa đóng gói như được mô tả trong Phiếu An Toàn Hóa Chất. Phân loại vận chuyển có thể thay đổi tùy theo phương tiện vận chuyển, kích thước bao bì và nhiều yếu tố khác theo quy định của vùng hoặc quốc gia.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất	:	2023/05/23
Định dạng ngày tháng	:	năm/tháng/ngày

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

ACGIH	:	Giá trị giới hạn ngưỡng (TLV) USA. ACGIH
ACGIH BEI	:	ACGIH - Các chỉ số phơi nhiễm sinh học (BEI)
Syngenta	:	Syngenta Các giới hạn tiếp xúc trong nghề nghiệp
VN OEL	:	Quyết định cũa bộ trưởng bộ y té - Hoá chất - giớ hạn cho phép trong không khí vùng làm việc
ACGIH / TWA	:	8 giờ, trung bình tính theo thời gian
ACGIH / STEL	:	giới hạn tiếp xúc trong thời gian ngắn
Syngenta / TWA	:	Trung bình về thời gian
VN OEL / TWA	:	Trung bình về thời gian
VN OEL / STEL	:	Từng lần tối đa

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hài hòa Toàn cầu; GLP -Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ

chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Thông tin cung cấp trong Phiếu Dữ liệu An toàn này là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết và thông tin hiện tại chúng tôi có được. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế như hướng dẫn cho việc xử lý, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, tiêu hủy và loại bỏ an toàn, và không được coi là các thông số bảo hành hay chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan tới vật liệu được chỉ định nhất định và có thể không áp dụng với các vật liệu dùng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong quy trình khác, trừ phi được nêu rõ trong văn bản.

VN / VI